

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án Trang trại chăn nuôi gia cầm - Ông Võ Thành Minh tại
ấp 4, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Trang trại chăn nuôi gia cầm - Ông Võ Thành Minh tại ấp 4,
xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu họp ngày 23 tháng 10
năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trang trại
chăn nuôi gia cầm - Ông Võ Thành Minh tại ấp 4, xã Hòa Hội, huyện Xuyên
Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số
03/CV-ĐTM đề ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Hộ kinh doanh Võ Thành Minh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
...2266./TTr-STNMT ngày 26. tháng 4... năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Trang trại chăn nuôi gia cầm - Ông Võ Thành Minh do Hộ kinh doanh Võ

Thành Minh làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được thực hiện tại ấp 4, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.
2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Hộ kinh doanh Võ Thành Minh - Chủ đầu tư dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Hội;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.

(6)





Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi gia cầm - Ông Võ Thành Minh tại ấp 4, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Trang trại chăn nuôi gia cầm - Ông Võ Thành Minh.

1.2. Chủ dự án

Tên chủ dự án: Hộ kinh doanh Võ Thành Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 4, khu phố Xóm Rẫy, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 0983.505.500.

Người đại diện: Võ Thành Minh

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án

Đầu tư xây dựng trại chăn nuôi gà tại ấp 4, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích khoảng 17.290 m² và quy mô chăn nuôi khoảng 100.000 con.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án

1.4.1. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

Stt	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	9.990	57,8
2	Đất giao thông nội bộ	2.900	16,8
3	Đất cây xanh, thảm cỏ	4.400	25,4
	Tổng	17.290	100

1.4.2. Các hạng mục công trình chính của dự án

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng	Kích thước		Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ
				Dài	Rộng		
I	Hạng mục công trình chính						
1	Nhà điều hành	m ²	1	12	8	96	0,56
2	Khu nhà ăn, ở của công	m ²	1	12	8	96	0,56

	nhân						
3	Khu chuồng nuôi gia cầm (1 trệt + 1 lầu)	m ²	4	100	15	6.000	34,70
4	Nhà sát trùng (công vào)	m ²	1	12	4	48	0,28
5	Kho chứa thức ăn	m ²	1	12	8	96	0,56
6	Kho chứa thuốc, hóa chất	m ²	1	8	4	32	0,19
II Hạng mục công trình phụ trợ							
7	Trạm điện	m ²	1	6	4	24	0,14
8	Nhà chứa máy phát điện	m ²	1	6	6	36	0,21
9	Khu vực hành lang ngăn cách giữa các dãy trại	m ²	1		8	1.958	11,32
10	Giếng khoan, bể chứa nước	m ²	1			100	0,58
11	Sân đường nội bộ	m ²	-			2.900	16,77
12	Hàng rào	m ²	1			580	3,35
13	Cây xanh, thảm cỏ, mặt nước	m ²	1				
-	Hồ chứa nước mưa dự trữ (LxDxH=15mx10mx2m)	m ²	1			150	0,86
-	Cây xanh, thảm cỏ					4.400	25,45
14	Khu cách ly gia cầm bệnh	m ²	1	30	15	450	2,60
III Công trình bảo vệ môi trường							
15	Khu xử lý chất thải						
	- Kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại	m ²	1	10	4	40	0,23
	- Khu lò đốt tiêu hủy gia cầm;	m ²	1	3	3	9	0,05
	- Hệ thống xử lý nước thải	m ²	1	15	15	225	1,30



	- Hồ sinh học chứa nước thải sau xử lý (lót bạt chống thấm) (LxDxH=5m x10mx2m)	m ²	1			50	0,29
17	Hệ thống xử lý mùi hôi	Hệ thống	04				
18	Các công trình khác phục vụ giai đoạn thi công						
-	Thùng chứa rác (rác sinh hoạt và CTNH)	cái	04				
-	Nhà vệ sinh di động có bồn chứa	cái	02				
-	Hố gom nước thải xây dựng kích thước (LxBxH= 1,5x1,5x1,2); dung tích lắng 1-2,7m ³						
-	Hệ thống mương thoát nước tạm BxH=0,5x0,5, hố lắng LxBxH = 0,5x0,5x1,5m, cách 20m/1 hố ga						
	Tổng cộng					17.290	100%

Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo ĐTM; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công, ... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Chất ô nhiễm	Nguồn phát sinh
I	Giai đoạn thi công, xây dựng	
1.1	Nguồn tác động liên quan đến chất thải	
	Bụi, khí thải, mùi hôi	- Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang, san lấp mặt bằng. - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận

TT	Chất ô nhiễm	Nguồn phát sinh
		chuyển nhiên, nguyên liệu xây dựng; - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng công trình; hoạt động của thiết bị thi công; - Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, nhà vệ sinh của công nhân.
	Nước thải	- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân thi công; - Nước thải xây dựng: hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị thi công.
	Chất thải rắn	- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng; - Chất thải rắn xây dựng: xà bần, gỗ, sắt thép vụn thải, xác thực vật,.... - Chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu, ắc quy thải, thùng sơn...
1.2.	<i>Nguồn tác động không liên quan đến chất thải</i>	
	Tiếng ồn, độ rung	- Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công và các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn thi công; - Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động xây dựng công trình.
II	Giai đoạn hoạt động	
2.1	<i>Nguồn tác động có liên quan đến chất thải</i>	
	Mùi hôi, khí thải, tiếng ồn, bụi	- Tiếng ồn, bụi, mùi hôi từ hoạt động xuất nhập gà, hoạt động vận chuyển thức ăn cho gà của các phương tiện giao thông; - Tiếng ồn, mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi gà; - Tiếng ồn, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; - Bụi, khí thải từ hoạt động xe vận chuyển thức ăn, vận chuyển gà khi xuất nhập gia cầm... - Mùi hôi phát sinh từ kho chứa phân, kho chứa thức ăn, hệ thống xử lý nước thải, kho chứa rác thải;



TT	Chất ô nhiễm	Nguồn phát sinh
		- Mùi hôi, khói thải từ hoạt động hủy xác gà từ lò đốt;
	Nước thải	- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân làm việc tại trang trại; - Nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại chăn nuôi và khử trùng.
	Chất thải rắn (CTR)	- CTR sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại trang trại; - Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi: phân gà, tro trấu đệm chuồng, xác gà, bao bì đựng thức ăn chăn nuôi,... - Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.
	Chất thải nguy hại (CTNH)	Chất thải nguy phát sinh từ hoạt động của trang trại: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, vỏ thuốc thú y,...
2.2	<i>Nguồn tác động không liên quan đến chất thải</i>	
	Tiếng ồn	- Tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; - Tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào trang trại; - Tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi;
	Sự cố	- Sự cố tràn hồ sinh học chứa nước thải, sự cố hệ thống xử lý nước thải

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $1,35\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh,...

Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, trộn rửa bê tông với lưu lượng khoảng $2,6\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: chất rắn lơ lửng (SS),...

2.2.2. Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt của 30 công nhân làm việc tại dự án phát sinh: khoảng $3\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần nước thải phát sinh: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh...

Nước thải chăn nuôi: Nước thải vệ sinh chuồng trại sau khi xuất bán gà trong chuồng nuôi phát sinh khoảng $30\text{m}^3/\text{lần}$ vệ sinh. Thành phần và tính chất của loại nước thải này chủ yếu chứa hàm lượng chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N, P) do trong thành phần có chứa phân của vật nuôi và thức ăn thừa...

Nước thải từ hệ thống sát trùng phát sinh khoảng $0,8\text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải từ hệ thống xử lý mùi hôi: $4\text{ m}^3/\text{ngày}$

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các hoạt động vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu; các hoạt động đào đắp, san nền; hoạt động của máy móc phục vụ thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC...

2.3.2. Giai đoạn hoạt động

Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông bao gồm bụi, CO, NO_x , SO_2 , VOC...trong quá trình xuất nhập gà, bốc dỡ nguyên liệu, thức ăn.

Mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, khu lưu trữ thức ăn, khu lưu trữ chất thải, phân, khu vực xử lý nước thải.

Khí thải, mùi hôi từ hoạt động của lò đốt xác gà.

Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải xây dựng: từ các hoạt động thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng các hạng mục công trình bao gồm xi măng, cát đá rơi vãi, vữa, ván gỗ, sắt,... ước tính khối lượng khoảng $3,0$ tấn.

Chất thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công khoảng $15\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần: thực phẩm thừa, bao nilon, vỏ lon, chai lọ thủy tinh,...

2.4.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sản xuất phát sinh chủ yếu là phân gà và chất độn chuồng phát sinh khoảng 223 tấn/lứa; bao bì đựng thức ăn phát sinh $576\text{ kg}/\text{năm}$...

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên trong trang trại khoảng 30 người, tổng khối lượng khoảng $12 - 15\text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần: thức ăn thừa, bao nilon, thùng carton,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng



Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công chủ yếu do vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy thi công phát sinh khoảng 34,5 - 52kg/tháng. Thành phần: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì đựng sơn, dung môi thải,...

2.5.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, vệ sinh máy móc thiết bị dự án phát sinh khoảng 197 kg/tháng. Thành phần: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì chứa thuốc thú y, chất khử trùng,...

2.6. Quy mô, tính chất các tác động môi trường khác

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Đối với nước thải

3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

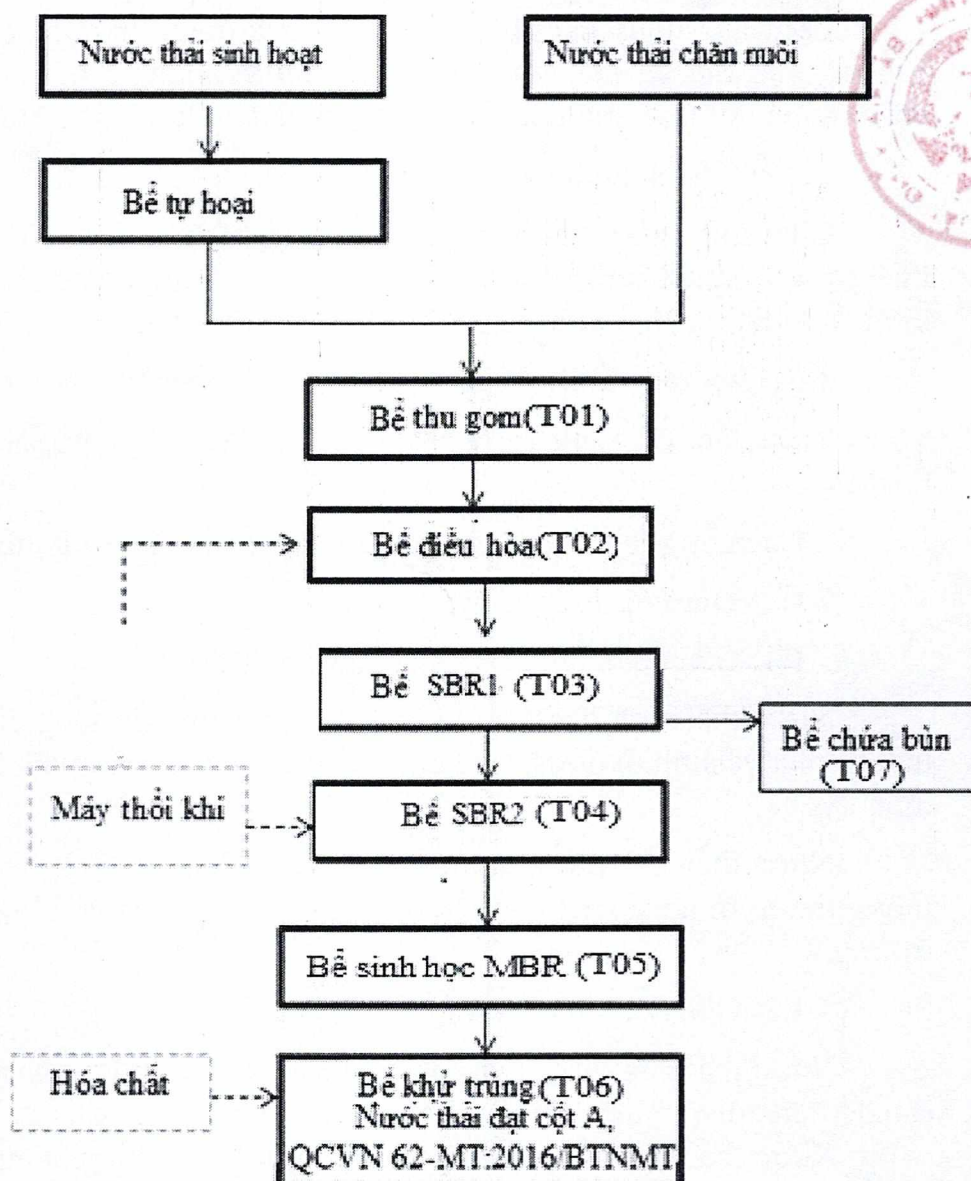
Nước thải sinh hoạt: trang bị 02 nhà vệ sinh di động cho công nhân, chất thải từ nhà vệ sinh di động thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom, xử lý định kỳ.

Nước thải xây dựng: nước thải từ khu rửa, trộn vật liệu được dẫn vào hệ thống thu gom tạm, xử lý qua hố lắng để lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

Nước thải chăn nuôi bao gồm nước thải vệ sinh chuồng trại, nước thải từ hệ thống sát trùng, hệ thống xử lý mùi hôi chuồng nuôi được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải chung của dự án có công suất 11m³/ngày.đêm đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A), sau đó được dẫn về hồ sinh học (lót bạt chống thấm) để tái sử dụng hoàn toàn trong khuôn viên dự án, không thải ra ngoài.



Sơ đồ quy trình xử lý nước thải

3.2. Đối với bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Xe vận chuyển nguyên vật liệu không chở quá tải, có bạt che phủ kín tránh rơi vãi vật liệu làm phát tán bụi ra môi trường.

Tất cả các xe vận chuyển phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác triển khai dự án. Nhiên liệu sử dụng của các phương tiện là dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh $\leq 0,05\%$.

Thực hiện phun nước giảm bụi nhằm hạn chế bụi và đất cát cuốn theo hoặc theo gió phát tán vào không khí, đặc biệt tại khu vực cổng ra vào dự án, khu vực thực hiện đào đắp. Tần suất: 2 lần/ngày, ngày khô nóng có thể tăng lên 3-4 lần/ngày.



Lắp đặt hàng rào khu vực dự án giáp ranh tuyến đường liên xã Hòa Hội – Bình Châu hạn chế phát tán bụi ảnh hưởng tới hoạt động giao thông và sức khỏe người đi đường: hàng rào bằng tôn gọn sóng, cao 2,3m.

Cán bộ công nhân viên trực tiếp thi công được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ như quần áo, mũ, khẩu trang,....

Có kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp theo từng giai đoạn thi công. Hạn chế tập kết vật tư vào cùng một thời điểm. Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có lượng người, phương tiện giao thông cao trên đường (từ 6h – 8h sáng; 16h-17h chiều). Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu tại địa phương và các huyện lân cận.

Bố trí sử dụng máy thi công hợp lý, không vận hành cùng lúc tất cả các máy thi công hạn chế cộng dồn khí thải, bụi, tiếng ồn gây ảnh hưởng tới môi trường và công nhân thi công.

3.2.2. Giai đoạn hoạt động

Trồng cây xanh ngăn cách các khu vực được quy hoạch chăn nuôi và những phần đất còn trống để cải thiện không khí trong khu vực.

Trang trại được xây dựng kín, để tránh phát sinh mùi hôi, hệ thống chuồng nuôi được thiết kế ở vào cuối hướng gió chủ đạo.

Chuồng trại thường xuyên thực hiện khử trùng định kỳ loại bỏ vi khuẩn, nấm mốc gây bệnh, ruồi muỗi. Sử dụng chế phẩm sinh học trộn vào thức ăn, nước uống và phân gà giúp hạn chế mùi hôi từ phân gà và chuồng nuôi.

Đường nội bộ, sân bãi được tráng nhựa và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra. Khi chạy trong khuôn viên công ty các phương tiện điều phải giảm tốc độ dưới 5km/giờ.

Trong quá trình nuôi, phân và thức ăn rơi xuống trộn lẫn trong trâu độ ẩm luôn được đảm bảo ở một mức độ nhất định, hơi nước do phân gà ướt hoặc hơi nước do nước rơi trên các đĩa hứng nước luôn được quạt hút 24/24 giờ tạo sự khô ráo, sàn trại luôn khô ráo. Không để xảy ra tình trạng đệm lót bị ướt (nước uống rơi vãi) nhằm tránh tình trạng phân hủy đệm lót do ẩm, gây mùi.

Bố trí khu vực để phân riêng biệt, trong phòng kín, không để quá lâu để tránh phát sinh mùi hôi; phân gà vừa chuyển đến nhà chứa phân lập tức sẽ được phun vôi bột phủ lên để giảm đáng kể mùi hôi.

Kho lưu trữ thức ăn bố trí riêng, xây dựng cao ráo. Lưu trữ khối lượng thức ăn chăn nuôi ở mức tối thiểu tại kho, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhằm hạn chế việc tồn lưu thức ăn chăn nuôi lâu ngày tránh tình trạng ẩm ướt, nấm mốc thức ăn gây mùi hôi.

Sử dụng các loại hóa chất khó bay hơi và thân thiện với môi trường; sử dụng các thiết bị pha trộn hóa chất hiện đại, ít rò rỉ và hạn chế phát thải hơi hóa chất.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: quần áo, găng tay, khẩu trang, giày, cho nhân viên làm việc tại trang trại.

Trong quá trình vệ sinh chuồng trại thường xuyên nạo vét, khơi thông các mương thoát nước, đảm bảo nước thải lưu thông tốt, không ứ đọng phân hủy gây mùi hôi.

Các phương tiện vận tải ra vào trang trại phải được bảo dưỡng định kỳ, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

Sử dụng loại máy phát điện mới đảm bảo tiêu chuẩn khí thải, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

Sử dụng nhiên liệu khí gas cho lò đốt xác gà để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Lắp đặt hệ thống xử lý mùi hôi chuồng trại chăn nuôi: Dự án sẽ lắp đặt 4 hệ thống xử lý mùi hôi bằng công nghệ màng lọc ướt. Mỗi chuồng lắp đặt 01 hệ thống, công suất mỗi máy xử lý 3.300m³/giờ.

3.3. Đối với chất thải rắn thông thường

3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom bằng các thùng chứa rác có nắp đậy kín, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

Chất thải xây dựng: Đối với đất đào móng sẽ tận dụng toàn bộ lượng đất này để lấp hố móng và san ủi các điểm trũng trong dự án; các loại vôi, vữa, gạch vỡ, vữa bê tông rơi vãi... không nguy hại được tận dùng cho quá trình san lấp mặt bằng trong dự án; các phế liệu như giấy, sắt thép, nhựa, gỗ... được thu gom, chuyển cho đơn vị chức năng theo quy định.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

a) Chất thải sinh hoạt: được thu gom vào thùng chứa riêng có dung tích 60 lít và chuyển giao cho Công ty công trình đô thị huyện Xuyên Mộc hàng ngày đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

b) Chất thải rắn chăn nuôi

Lượng phân và chất độn chuồng phát sinh sau khi xuất chuồng chủ dự án thu gom phân vào các bao tải đã được rắc vôi bột khử trùng và chuyển giao cho đơn vị sản xuất phân bón theo quy định; hạn chế lưu chứa tại trang trại.

Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi (cám) được tận dụng để thu gom, chứa phân gà và chất độn chuồng; các bao này có lớp nylon để tránh nước rỉ từ phân rỉ ra ngoài bao, rơi vãi trong quá trình lưu chứa và vận chuyển.

Xác gà chết không do dịch bệnh được thu gom và đốt bằng lò đốt IncinerR8, công suất 35 kg/h, sử dụng khí gas và bố trí cố định tại dự án.

3.4. Đối với chất thải nguy hại



3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thi công được đưa ra các gara nằm trên địa bàn xã; hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc tại khu vực dự án.

Xây dựng kho chứa CTNH tạm thời trong thời gian thi công, vị trí đặt nhà kho được bố trí trên nền đất bằng phẳng, cuối khu đất dự án; khu vực lưu chứa có mái che mưa, che nắng, tráng vữa chống thấm nước.

Dự án bố trí 02 thùng chứa CTNH dung tích 60 lít có nắp đậy (01 thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ, 1 thùng 60 lít có nắp đậy để chứa chất thải lỏng (dầu nhớt thải, dung môi thải); Riêng các thùng chứa, bao bì đựng sơn được thu gom và tập trung gọn tại khu vực lưu chứa CTNH tạm khu vực thi công. Sau khi kết thúc thi công chủ dự án sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.4.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại được bố trí đặt chung vào kho chứa chất thải của trang trại nhưng được ngăn riêng có diện tích khoảng 10m² (ngăn chứa vỏ thuốc thú y, bao bì hóa chất 5m²; ngăn chứa CTNH khác: 5m²).

Đối với vỏ thuốc thú y, dụng cụ thú y thải, bao bì đựng hóa chất sẽ được bàn giao lại cho đơn vị cung cấp là Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam sau mỗi đợt nuôi.

Đối với các loại chất thải nguy hại khác (giẻ lau dính dầu, dầu nhớt thải...): Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ chuyển giao, xử lý 06 tháng/lần.

3.5. Đối với tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông vào giờ cao điểm. Ngoài ra, các máy móc thiết bị có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành sau 20 giờ.

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công. Hạn chế vận hành cùng lúc nhiều máy móc thi công tránh gây cộng hưởng tiếng ồn.

Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân thi công (nút bịt tai, chụp tai..)

Kiểm tra mức ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

3.5.2. Giai đoạn hoạt động

Chuồng trại xây dựng cao ráo, thoáng mát và mật độ chăn nuôi hợp lý với diện tích chồng nuôi.

Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên trang trại góp phần hạn chế tiếng ồn phát tán ra bên ngoài.

Máy phát điện dự phòng được đặt nhà chứa riêng, đặt cách xa khu văn phòng, nhà nghỉ của công nhân;

Phương tiện ra vào trang trại phải được đăng kiểm và sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường;

Máy móc thiết bị sử dụng luôn được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và thay thế các thiết bị đã hỏng, quá hạn sử dụng.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải:

Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống không chế ô nhiễm, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.

Đảm bảo vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

Hướng dẫn và đảm bảo khả năng đảm nhận của người vận hành các công trình xử lý nước thải.

Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý. Nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích một số thông số ô nhiễm thông thường (nếu có điều kiện). Nếu hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đạt giới hạn yêu cầu, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn hồ sinh học:

Toàn bộ nước thải sau xử lý sẽ được dẫn về hồ sinh học. Tổng dung tích chứa của hồ sinh học trong khuôn viên dự án chứa nước sau xử lý là 100 m³ đảm bảo chứa nước sau xử lý của trại tới 6 ngày, ngoài ra dự án còn đắp bờ cao 0,5m



cho hồ để tránh nước mưa bên ngoài chảy vào và nước thải từ hồ chứa chảy tràn ra bên ngoài. Hồ được lót bạt chống thấm đảm bảo không rò rỉ nước thải vào môi trường.

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thu gom thoát nước của dự án, không để nước mưa tạo thành dòng gây áp lực lớn làm vỡ bờ bao chứa hồ sinh học.

Cán bộ kỹ thuật hàng ngày luôn có mặt tại hiện trường giám sát bờ bao, khi phát hiện có dấu hiệu rạn nứt, ngay lập tức báo cáo cho ban lãnh đạo để tìm nguyên nhân và thực hiện các giải pháp trám lấp, gia cố đê bao.

** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố (cháy nổ, dịch bệnh, ...) theo đúng các quy định liên quan.*

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Các giai đoạn của Dự án	Các công trình bảo vệ môi trường chính
Trong giai đoạn thi công	Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại công trường thi công để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân thi công.
	Bố trí 04 thùng chứa chất thải rắn dung tích 60lit/thùng (02 thùng chứa rác thải sinh hoạt của công nhân và 02 thùng chứa chất thải nguy hại)
	Xây dựng hố ga thu gom nước thải xây dựng và mương thoát nước mưa mặt bằng thi công
Trong giai đoạn vận hành	Lắp đặt hệ thống xử lý mùi hôi chuồng nuôi công suất 3.300m ³ /giờ: 04 hệ thống
	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải 11m ³ /ngày.đêm
	Xây dựng hồ sinh học (<i>lót bạt chống thấm</i>) chứa nước thải sau xử lý
	Xây dựng kho chứa chất thải rắn (chứa CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTR nguy hại): diện tích 40m ²
	Lắp đặt 01 lò đốt xác gia cầm Inciner8, xuất xứ nước Anh, chạy bằng gas công suất 35kg/h

5. Chương trình giám sát môi trường

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

STT	Tên chất thải	Tần suất giám sát	Vị trí giám sát	Thông số giám sát/ QCVN
1	Chất lượng môi trường không khí	03 tháng/lần	Khu vực cổng và khu vực công trường thi công	Bụi, ồn, SO ₂ , NO ₂ , CO (QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT)
2	Chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt, CTNH	Thường xuyên	Khu vực tập kết chất thải	Khối lượng, chủng loại (Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP)

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giám sát trong giai đoạn hoạt động

STT	Tên chất thải	Tần suất giám sát	Vị trí giám sát	Thông số giám sát/ QCVN
1	Khí thải	03 tháng/lần	05 vị trí: - 04 điểm tại ống xả cuối của hệ thống xử lý mùi hôi. - 01 điểm ống khói lò đốt xác gà (khi có gà tiêu hủy)	Bụi, H ₂ S, NH ₃ , Mecaptan (QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT)



STT	Tên chất thải	Tần suất giám sát	Vị trí giám sát	Thông số giám sát/QCVN
2	Nước thải	03 tháng/lần	Sau hệ thống xử lý nước thải (bể khử trùng)	pH, BOD ₅ , COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ, tổng Coliform (QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A)
3	Chất thải rắn	Thường xuyên	Khu vực tập kết chất thải	Khối lượng, chủng loại (Nghị định 38/2015/NĐ-CP)
4	Chất thải nguy hại	06 tháng/lần	Kho chứa chất thải nguy hại	Khối lượng, chủng loại, chứng từ chuyển giao (Nghị định 38/2015/NĐ-CP, Thông tư 36/2015/TT-BTNMT)

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

6.2. Không được vận chuyển đất, đá dôi dư ra khỏi khu vực dự án khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Cam kết thực hiện vận chuyển, đổ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định pháp luật hiện hành và phương án, vị trí, địa điểm được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án không được lấn dòng, không gây làm cản trở dòng chảy của cống ngang đường và dòng chảy tự nhiên của khu vực. Thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các quy định có liên quan đối với việc khai thác và sử dụng nước ngầm (nếu có).

6.4. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác, đặc biệt là các nguồn nước, hồ chứa nước sinh hoạt.

6.5. Chỉ được đi vào vận hành sau khi đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

6.6. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.7. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.8. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

6.9. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.10. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, báo cáo UBND xã Hoà Hội, UBND huyện Xuyên Mộc, Sở Tài nguyên và Môi trường, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.11. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường đúng theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

6.12. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.